

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 669/2019/HC-PT

Ngày: 24 - 9 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung
Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 390/2019/TLPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2124/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trịnh Văn V, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: số 153, đường Đồng Khởi, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* ông Trịnh Văn V, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khiếu kiện ngày 29 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Trịnh Văn V là ông Trịnh Văn T trình bày:

Vào năm 1980, anh ruột của ông là ông Trịnh Văn N (ông N là cha ruột của ông Trịnh Văn V) có thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất giống có diện tích 750m² của ông Huỳnh Văn Q, nhưng hai bên không có làm giấy tờ và thủ tục chuyển nhượng theo quy định pháp luật vì phần đất này trước đó là chiếm của địa chủ nên ông Q cũng không kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông N tiến hành canh tác, trồng hoa màu trên đất nhưng cũng không tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 1990, Nhà nước tiến hành quy hoạch đất để xây dựng chợ, xây Nhà văn hóa thị trấn và Trụ sở khóm 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Trà Vinh, trong đó có phần diện tích 750m² của ông N đang quản lý sử dụng và nhiều phần diện tích đất lân cận khác.

Do diện tích đất 750m², thửa số 6, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Trà Vinh của ông N bị thu hồi nhưng không bồi thường giá trị đất. Sau đó, ông N nhiều lần khiếu nại yêu cầu được chính quyền địa phương hỗ trợ bồi thường giá trị đất. Đến năm 2003, ông N chết nên Trịnh Văn V là con tiếp tục khiếu nại yêu cầu chính quyền địa phương bồi thường giá trị đất bị thu hồi là 750m², thửa số 06, tờ bản đồ số 15.

Tại công văn số 435/UBND-NC ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện A bác đơn khiếu nại của ông Trịnh Văn V, ông V tiếp tục khiếu nại công văn nói trên. Tại Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện A giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn khiếu nại và giữ nguyên công văn số 435/UBND-NC ngày 16/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện A.

Không đồng ý với với quyết định giải quyết lần đầu, ông Trịnh Văn V khiếu nại đến UBND tỉnh Trà Vinh. Tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh Quyết định: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện A.

Nay ông Trịnh Văn V khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh yêu cầu hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

Trà Vinh và Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện A, tỉnh Trà Vinh.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A – tỉnh Trà Vinh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 795/UBND-NC ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện A như sau:

Việc ông Trịnh Văn V yêu cầu bồi hoàn diện tích 750m² đất (phần đất xây dựng Nhà văn hóa và Trụ sở khóm 3, trị trấn A1) là không có cơ sở và vụ việc không có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các con ông Trịnh Văn N. Tại Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện A bác đơn khiếu nại ngày 26/8/2016 của ông Trịnh Văn V. UBND huyện A bảo lưu ý kiến và quan điểm quyết định nói trên.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 4083/UBND-NC ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh như sau:

Trước năm 1990, diện tích đất khiếu kiện là 750m² do bà Nguyễn Thị Đ, ông Phan Công Đăng đứng tên sử dụng được ghi trong sổ bộ địa chính (khi quy hoạch chợ đã bồi hoàn xong và trong đó có một phần đất nghĩa địa công cộng). Riêng diện tích 311,2m² tại thửa 84 vào thời điểm năm 1990 ông N thấy đất trống (sau khi di dời mồ mã trên phần đất nghĩa địa công cộng đi nơi khác nhưng chưa xây dựng chợ Làng Cá) nên ông N tự ý sử dụng trồng dưa, khoai lang (chỉ trồng theo mùa vụ những nơi còn trống của thửa đất). Năm 1992, thực hiện xây dựng chợ, UBND huyện lấy lại diện tích đất trên sử dụng cho đến nay. Các thửa đất ông Trịnh Văn N và ông Huỳnh Văn Q đăng ký kê khai theo tư liệu năm 1983 không có diện tích và thửa đất mà ông N yêu cầu bồi hoàn. Việc ông Thu cho rằng ông N mua diện tích đất 750m² này của ông Q là không có căn cứ. Vì qua kết quả tiếp xúc với anh Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn M là con ông Q đều khẳng định diện tích đất 750m² mà UBND huyện quy hoạch làm chợ Làng Cá không phải của ông Q. Do đó, việc khiếu nại của ông Trịnh Văn V yêu cầu bồi hoàn giá trị diện tích đất 750m² là không có cơ sở. Giữ nguyên Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND huyện A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193 của Luật tổ tụng Hành chính 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn V yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2019, ông Trịnh Văn V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trịnh Văn V và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V: Hủy Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; với lý do: nguồn gốc đất là do cha ruột của ông V - ông N chuyển nhượng phần đất này của ông Huỳnh Văn Q vào năm 1980, chứng tỏ phần đất này là của gia đình ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định các Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Trịnh Văn V, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 02/4/2019, người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh xin vắng mặt trong các phiên xét xử của Tòa án cho đến khi kết

thúc vụ án. Ngày 21/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đều có nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông V về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Ngày 29/5/2017, ông V khởi kiện đối với các quyết định nêu trên là đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.4] Ngày 15/5/2019, ông Trịnh Văn V kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 bác đơn khiếu nại của ông Trịnh Văn V đối với Công văn số 435/UBND-NC ngày 16/8/2016 của UBND huyện A. Không đồng ý, ông V tiếp tục khiếu nại. Ngày 04/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông V là phù hợp với quy định tại Điều 121 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung quyết định:

- Về nguồn gốc diện tích 750m² đất đang tranh chấp:

Theo Biên bản khảo sát ngày 25/8/2015 và Biên bản khảo sát ngày 23/11/2015, diện tích 750m² đất thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích chung khoảng 50 công của bà Đỗ Thị T1 (tên thường gọi là bà Ba cầm - địa chủ). Trước năm 1945, bà T1 cho ông Diệp G mượn phần đất trên để canh tác đến năm 1968, bà T1 chết, ông Diệp G bỏ đất đi Campuchia sinh sống nên toàn bộ diện tích 50 công đất này bị bỏ hoang. Năm 1970, chính quyền cách mạng

quản lý toàn bộ diện tích đất này và cấp lại cho 10 hộ gia đình chính sách (mỗi hộ khoảng 05 công), trong đó không có hộ gia đình ông Trịnh Văn N (cha của ông V).

Năm 1990, Nhà nước quy hoạch chợ Làng Cá, xã A1 nhưng chưa xây dựng. Lúc này, do thấy đất trống nên ông N tự ý đến sử dụng trồng dưa, khoai lang theo mùa vụ. Đến năm 1992, Nhà nước xây dựng chợ nên ông N trả lại đất. Sau đó, do chợ bị hỏa hoạn nên phải di dời đi nơi khác, diện tích đất này được xây dựng Nhà văn hóa thị trấn A1 và Trụ sở khóm 3, thị trấn A1 như hiện nay.

- Quá trình sử dụng, kê khai đất:

Theo tư liệu năm 1983 thì phần đất khiếu nại nằm một phần thuộc thửa 83, diện tích 436,4m² do bà Nguyễn Thị Đ kê khai, một phần thuộc thửa 84, diện tích 311,2m² do ông Trông đứng tên (nhưng qua xác minh đây là đất nghĩa địa công cộng) và một phần thửa 88, diện tích 2,4m² do ông Phạm Công Đăng đứng tên. Như vậy, có căn cứ xác định trước đây ông N (cha của ông V), có thời gian trồng dưa, khoai lang theo mùa vụ tại thửa số 84, tuy nhiên đây là phần đất nghĩa địa công cộng do Ban nhân dân ấp Cá Lóc kê khai theo tư liệu 1983.

Ông Trịnh Văn V cho rằng phần đất nêu trên, cha ông là ông Trịnh Văn N mua của ông Huỳnh Văn Q. Tuy nhiên, ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc ông Q được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất nêu trên. Các con của ông Q cũng xác định, ông Q không có diện tích đất nào tại vị trí ông V đang khiếu nại và ông cũng không chuyển nhượng phần đất nào cho ông N. Mặt khác, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Văn V cũng thừa nhận, khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Huỳnh Văn Q, hai bên không làm giấy tờ gì và trong quá trình sử dụng, ông N cũng không tiến hành đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo qui định.

Từ những căn cứ trên có căn cứ xác định việc khiếu nại của ông Trịnh Văn V yêu cầu bồi hoàn giá trị diện tích 750m² đất là không có cơ sở để chấp nhận. Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh có Công văn số 435/UBND-NC ngày 16/8/2016, bác đơn khiếu nại của ông Trịnh Văn V là phù hợp.

Do đó, các Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, ông Trịnh Văn V phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Văn V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn V đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trịnh Văn V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003863 ngày 15/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 11b (ĐTT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp